

## TÁC ĐỘNG CỦA KINH TẾ BIÊN MẬU ĐẾN CÁC TỘC NGƯỜI VÙNG BIÊN GIỚI VIỆT NAM

TRẦN HỒNG THU

Việt Nam là quốc gia có đường biên giới trên bộ dài trên 4.610km tiếp giáp với các nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và Vương quốc Campuchia. Với đặc điểm đường biên giới núi liền núi, sông liền sông, dân cư hai bên đường biên giới có những tương đồng về điều kiện tự nhiên, văn hóa, xã hội nên các tộc người sinh sống ở khu vực biên giới đã có mối quan hệ mật thiết và giao lưu từ lâu đời về kinh tế, văn hóa, xã hội và tộc người (Đặng Thanh Phương, 2009). Hoạt động trao đổi hàng hóa giữa người dân ở khu vực biên giới đã góp phần vào việc phát triển các hoạt động kinh tế biên mậu<sup>1</sup> (Hoàng Thanh Vân, 2003; Trần Thu Hà, 2009). Kể từ sau Đổi mới, đặc biệt là với chính sách mở cửa biên giới, giao lưu hàng

hóa quốc tế của Việt Nam từ năm 1991, các hoạt động kinh tế biên mậu đã phát triển mạnh mẽ trên cả ba vùng biên giới Việt - Trung, Việt - Lào và Việt Nam - Campuchia. Điều này đã đem lại nhiều lợi ích về kinh tế và xã hội cho đất nước, cho các tỉnh biên giới và cho người dân sinh sống ở trong khu vực biên giới. Đồng thời, sự phát triển kinh tế biên mậu cũng đưa đến những thách thức, rủi ro cho những người dân sinh sống trong khu vực biên giới (Hoàng Thanh Vân, 2003; Trần Thu Hà, 2009, Nguyễn Anh Tuấn, 2011). Nghiên cứu này được tiến hành ở ba địa phương có hoạt động kinh tế biên mậu rất sôi động, gồm có tỉnh Lào Cai (vùng biên giới Việt - Trung), Khu Kinh tế - Thương mại đặc biệt Lao Bảo, tỉnh Quảng Trị (vùng biên giới Việt - Lào), và cửa khẩu Tịnh Biên, tỉnh An Giang (vùng biên giới Việt Nam - Campuchia) nhằm tìm hiểu sự tham gia của các tộc người vùng biên giới vào các hoạt động kinh tế biên mậu và những tác động của kinh tế biên mậu đến các tộc người vùng biên giới.

### 1. Sự tham gia của các tộc người vào hoạt động kinh tế biên mậu

Sự tham gia của các tộc người vào các hoạt động kinh tế biên mậu ở tỉnh Lào Cai, Khu Kinh tế - Thương mại đặc biệt Lao Bảo và khu vực cửa khẩu Tịnh Biên có sự khác nhau tùy thuộc vào cơ chế và thực

<sup>1</sup> Hoạt động kinh tế biên mậu của Việt Nam chủ yếu thông qua các hình thức: mậu dịch chính ngạch, mậu dịch tiểu ngạch, buôn bán của các cư dân biên giới và các dạng dịch vụ xuất nhập khẩu khác như chuyên khẩu, tạm nhập tái xuất... Mậu dịch chính ngạch là hàng hóa xuất nhập khẩu qua biên giới theo giấy phép của Bộ Thương mại, phải lưu thông qua các cửa khẩu quốc gia và quốc tế, phải chấp hành đầy đủ các thủ tục xuất nhập khẩu theo thông lệ và tập quán quốc tế. Mậu dịch tiểu ngạch là hàng hóa xuất nhập khẩu theo giấy phép do UBND các tỉnh biên giới cấp, có thể xuất nhập khẩu theo cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu quốc gia, các cửa khẩu địa phương, các đường qua lại biên giới, các chợ biên giới với giá trị không vượt quá 2.000.000 đồng Việt Nam theo quy định hiện hành. Trong nghiên cứu này, chúng tôi chủ yếu tập trung vào hoạt động trao đổi buôn bán của các cư dân biên giới.

trạng phát triển kinh tế - xã hội ở hai bên biên giới, điều kiện kinh tế tộc người và nhận thức tộc người.

***1.1. Sự tham gia của các tộc người vào hoạt động kinh tế biên mậu ở tỉnh Lào Cai***

Lào Cai là tỉnh vùng cao biên giới phía Bắc Việt Nam, có đường biên giới dài trên 200km giáp với tỉnh Vân Nam, Trung Quốc. Khu vực biên giới của tỉnh Lào Cai bao gồm 5 huyện, thành phố với 26 xã, phường, 18.480 hộ, 88.784 nhân khẩu thuộc 16 dân tộc. Trong đó, người Kinh chiếm tỷ lệ đông nhất - 54,5%, Hmông - 15,6%, Nùng - 9,1%, Giáy - 7,3%, Dao - 7,1%, Hà Nhì - 3,2%, rồi đến các dân tộc khác với tỷ lệ nhỏ - dưới 1% (Thống kê năm 2005 của Ban Dân tộc tỉnh Lào Cai). Cửa khẩu quốc tế Lào Cai - Hà Khẩu là cửa khẩu duy nhất giữa Việt Nam và Trung Quốc hội tụ các loại hình vận tải: đường sắt, đường bộ và đường sông. Nằm trong lòng một thành phố nên cửa khẩu quốc tế Lào Cai có cả một hệ thống dịch vụ của một thành phố trên 10 vạn dân, phục vụ nhu cầu giao lưu thương mại, xuất nhập khẩu, quá cảnh và du lịch giữa hai nước. Ngoài ra, cửa khẩu này cũng nối liền với thị trường vùng Tây Nam rộng lớn của Trung Quốc. Hoạt động kinh tế biên mậu của Lào Cai phát triển mạnh mẽ với kim ngạch xuất nhập khẩu tăng đều qua các năm (Hoàng Thanh Vân, 2003; Nguyễn Anh Tuấn, 2011). Cơ cấu hàng xuất khẩu từ Lào Cai sang Vân Nam (Trung Quốc) bao gồm nhóm mặt hàng công nghiệp nặng và khoáng sản, chủ yếu là nguyên liệu thô chưa qua sơ chế; nhóm hàng nông - lâm - thủy sản gồm gỗ, cao su nguyên liệu, hải sản đông lạnh, rau quả, hạt điều, cà phê, chè, gạo, lạc nhân, hạt tiêu...; nhóm hàng

công nghiệp nhẹ và tiêu thủ công nghiệp gồm có giày dép các loại, đồ thủ công mỹ nghệ...; và nhóm các hàng hóa khác. Hàng hóa xuất khẩu do Lào Cai sản xuất chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ, khoảng 20% trong giai đoạn 2005 - 2010, chủ yếu là các mặt hàng khoáng sản thô (apatit, quặng sắt, quặng đồng) và nông sản (Nguyễn Anh Tuấn, 2011).

Đóng góp vào sự phát triển kinh tế biên mậu của tỉnh Lào Cai không thể không nhắc đến sự trao đổi buôn bán qua biên giới của các tộc người sinh sống trên địa bàn tỉnh. Đường biên giới ở đây chủ yếu là đất liền và suối nhỏ, nên từ lâu người dân hai bên biên giới đã có mối quan hệ, giao lưu và trao đổi hàng hóa với nhau. Mặc dù cùng sinh sống trên một địa vực, nhưng sự tham gia của các dân tộc vào việc trao đổi hàng hóa qua biên giới có sự khác nhau tùy thuộc vào nhận thức, tư duy kinh tế và điều kiện kinh tế của họ. Trong đó, nổi bật là vai trò năng động của người Kinh với các hoạt động trao đổi hàng hóa và các dịch vụ phục vụ kinh tế biên mậu trong khu vực. Ở thành phố Lào Cai, từ các doanh nghiệp xuất nhập khẩu hàng hóa, các doanh nghiệp du lịch làm thủ tục xuất nhập cảnh, các doanh nghiệp vận chuyên, các nhà hàng, khách sạn đến các cửa hàng nhỏ bán tạp hóa, bán đồ ăn, chăm sóc sắc đẹp, làm dịch vụ đổi tiền phần lớn là do người Kinh làm chủ. Ở các huyện biên giới khác của tỉnh Lào Cai, người Kinh cũng tham gia rất tích cực vào các hoạt động thương mại, trao đổi, dịch vụ vận chuyên, làm đại lý thu mua nông sản để xuất khẩu sang Trung Quốc hoặc cung cấp cho thị trường nội địa như trường hợp người Kinh ở xã Bản Phiệt, huyện Bảo

Thắng và xã Bản Lầu, huyện Mường Khương. Một số người Kinh ít vốn thì sang thành phố Hà Khẩu (Trung Quốc) bán hàng tại các chợ ở bên kia biên giới hoặc bán hàng tại siêu thị.

Không chỉ có người Kinh mà còn nhiều người dân thuộc các tộc người khác cũng sang Hà Khẩu để bán hàng. Một số phụ nữ người Giáy ở huyện Bát Xát, Lào Cai thường mua hàng rau, quả từ Việt Nam sang chợ Hà Khẩu bán và thu lãi từ 50.000 đến 100.000 đồng mỗi ngày. Sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế biên mậu ở khu vực Hà Khẩu cũng tạo cơ hội việc làm cho nhiều người dân Việt Nam. Nhu cầu thuê người bán hàng là người Việt Nam biết tiếng Trung Quốc ngày càng tăng đã thu hút rất nhiều người Việt Nam gồm nhiều dân tộc khác nhau sang Hà Khẩu bán hàng thuê như người Kinh, người Tày, người Giáy, người Bố Y...

So với nhiều tộc người thiểu số khác ở tỉnh Lào Cai, người Hmông là tộc người rất năng động trong các hoạt động kinh tế nói chung, hoạt động kinh tế biên mậu nói riêng. Quan hệ trao đổi buôn bán hàng hóa qua biên giới của người Hmông cũng diễn ra rất tự nhiên bởi lẽ cư dân sinh sống ở bên kia biên giới có nhiều người là đồng tộc của họ, một số ít người có quan hệ thân tộc. Hoạt động sinh kế ban đầu của họ là trồng cây lương thực trên nương rẫy và khai thác các sản vật tự nhiên từ rừng theo truyền thống. Khi nông nhàn, họ sang Trung Quốc làm thuê trồng dứa và học hỏi kinh nghiệm và kỹ thuật chăm sóc dứa, sau đó trồng loại cây này trên đất của mình. Họ mua giống,

phân bón, thuốc trừ sâu, trừ cỏ, thuốc kích thích trái của Trung Quốc và bán lại sản phẩm thu được cho các thương lái Trung Quốc. Năm 2002, khi người dân bên Trung Quốc bắt đầu trồng cây chuối mô, người Hmông tìm hiểu các kỹ thuật chăm sóc chuối, đồng thời cũng thăm dò thị trường tiêu thụ, sau đó chuyển sang trồng thêm cây chuối bên cạnh cây dứa. Toàn bộ số chuối trồng được đều được xuất khẩu sang Trung Quốc theo hai cách: bán cho đại lý người Kinh để họ xuất khẩu qua cửa khẩu Lào Cai, hoặc bán trực tiếp cho người Trung Quốc thông qua lối mòn giữa biên giới.

### ***1.2. Sự tham gia của các tộc người vào hoạt động kinh tế biên mậu ở Khu Kinh tế - Thương mại đặc biệt Lao Bảo, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị***

Khu Kinh tế - Thương mại đặc biệt Lao Bảo (Khu KT - TM Lao Bảo), nằm trên hành lang kinh tế Đông - Tây, có diện tích 15.804ha, gồm 5 xã và hai thị trấn của huyện miền núi Hướng Hóa, trải dọc theo Quốc lộ 9 với chiều dài 25km từ Đông Hà sang Lào, cách thành phố Đông Hà khoảng 80km và nằm cạnh sông Sê Pôn. Dân số của Khu KT - TM Lao Bảo khoảng 37.000 người (chiếm 52% dân số huyện Hướng Hóa) với 3 dân tộc chính là Kinh, Bru-Vân Kiều và Tà-ôi (nhóm Pa Cô). Xuất phát từ lợi thế khu vực và mối quan hệ hữu nghị đặc biệt giữa hai nước Việt Nam - Lào, Khu KT - TM Lao Bảo được ưu tiên đầu tư phát triển với việc các hoạt động thương mại, đầu tư, dịch vụ ở đây được hưởng các quy chế ưu đãi đặc

biệt<sup>2</sup> so với các Khu Kinh tế cửa khẩu khác của Việt Nam. Hệ thống các trung tâm thương mại, siêu thị, nhà hàng, khách sạn, bưu chính viễn thông, ngân hàng, bảo hiểm, vận tải và các loại hình dịch vụ khác được đầu tư xây dựng. Hoạt động xuất nhập khẩu qua cửa khẩu quốc tế Lao Bảo có sự tăng trưởng mạnh. Hàng xuất khẩu qua cửa khẩu Lao Bảo chủ yếu là thép xây dựng, đá ốp lát, vải sợi bông, thủy tinh, trâu bò... Hàng nhập khẩu chủ yếu là thạch cao của Lào, các sản phẩm công nghiệp chủ yếu là của Thái Lan như xe máy, vải cao cấp, phụ tùng thiết bị, đồ dùng bằng điện và bánh kẹo. Việc trao đổi hàng hóa qua cửa khẩu Lao Bảo chủ yếu là trao đổi hàng hóa của Việt Nam và Thái Lan thông qua quan hệ buôn bán với Lào.

Ở Khu KT - TM Lao Bảo, người Kinh là tộc người tham gia mạnh mẽ và đóng vai trò quan trọng trong các hoạt động kinh tế

biên mậu. Người Kinh ở đây chủ yếu là từ Triệu Phong, Quảng Trị di cư lên khu vực từ tháng 9 năm 1975 theo chủ trương xây dựng kinh tế mới của Nhà nước. Họ tham gia vào các hoạt động khai hoang, phát triển kinh tế nông nghiệp của địa phương. Từ khi quan hệ thương mại Việt Nam - Lào được đẩy mạnh từ năm 1991 và với sự ra đời của Khu Thương mại Lao Bảo năm 1998, người Kinh ngày càng tham gia nhiều hơn vào các hoạt động trao đổi buôn bán trong biên giới và qua biên giới. Tại thị trấn Lao Bảo, tính đến năm 2011, có 623 hộ làm thương mại dịch vụ với khoảng 3.100 lao động; trong đó, phần lớn là người Kinh. Họ tham gia vào tất cả các hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa, buôn bán trao đổi hàng hóa tại các siêu thị miễn thuế và các chợ ven biên giới. Ngoài ra, họ còn tham gia vào các hoạt động xuất nhập khẩu nông sản cho thị trường Trung Quốc. Một số người Kinh đã sang Lào thuê đất để trồng các loại cây công nghiệp có thu nhập cao như chuối, cao su, bời lời. Hàng ngày có khoảng 300 tấn chuối được chuyển từ Lào về. Toàn bộ số chuối này được 2 đại lý chính thu mua ở thị trấn Lao Bảo, sau đó chuyển ra Lạng Sơn để xuất khẩu sang Trung Quốc. Không chỉ thu mua và sản xuất chuối ở Lào, các đại lý và dịch vụ thu mua người Kinh còn đi vào các bản làng dân tộc ít người để mua thu gom chuối xuất khẩu. Các dịch vụ phục vụ kinh tế biên mậu như dịch vụ lưu trú, vận chuyển hàng hóa, bưu chính viễn thông, đổi tiền, ăn uống... đều do người Kinh làm chủ.

Người Vân Kiều và người Pa Kô sinh sống trong khu vực này từ rất lâu đời, và một số ít họ có quan hệ thân tộc với người bên kia biên giới. Do trình độ dân trí, nhận thức về làm ăn kinh tế, điều kiện kinh tế thấp

<sup>2</sup> Các hoạt động thương mại, đầu tư, dịch vụ được hưởng ưu đãi tối đa áp dụng cho địa bàn kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn; được hưởng các ưu đãi theo chính sách phát triển kinh tế miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số; doanh nghiệp được miễn thuế thu nhập 4 năm từ khi có thu nhập chịu thuế, được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 9 năm tiếp theo, và giảm 10% thuế thu nhập doanh nghiệp trong những năm tiếp sau; cá nhân được miễn giảm 50% thuế thu nhập cá nhân; hàng hóa, dịch vụ nhập khẩu từ nước ngoài và nội địa vào Khu KT - TM Lao Bảo được hưởng thuế xuất giá trị gia tăng 0%; hàng hóa, dịch vụ thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt được nhập khẩu vào Khu KT - TM Lao Bảo không phải chịu thuế tiêu thụ đặc biệt; hàng hóa, dịch vụ được nhập khẩu từ nước ngoài hoặc nội địa vào trong Khu KT - TM Lao Bảo được miễn thuế xuất nhập khẩu; hàng hóa nhập khẩu có nguồn gốc từ Lào nhập khẩu vào Việt Nam qua cửa khẩu Lao Bảo được giảm thuế nhập khẩu; các doanh nghiệp hoạt động trong Khu KT - TM Lao Bảo được hưởng các ưu đãi về tín dụng, về chuyển khoản lỗ trong kinh doanh, ưu đãi về đất đai và nhà ở (Quyết định số 11/2005/QĐ-TTg về Quy chế Khu Kinh tế - Thương mại đặc biệt Lao Bảo).

hơn so với người Kinh nên họ không có điều kiện tham gia nhiều vào các hoạt động kinh tế biên mậu. Các hoạt động biên mậu chủ yếu của họ vẫn là trao đổi hàng hóa qua biên giới theo kiểu truyền thống từ trước kia với hàng hóa trao đổi là váy Lào và trâu, bò. Theo đánh giá của Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Quảng Trị, người Vân Kiều và Pa Kô chưa hòa nhập được vào quá trình phát triển công nghiệp và thương mại tại Khu KT - TM Lao Bảo do hạn chế về trình độ học vấn. Tuy nhiên, họ vẫn có được một nguồn thu nhỏ từ việc bán rau, bán măng rừng... cho một số người khách du lịch lên mua hàng tại Khu KT - TM Lao Bảo. Một số người tham gia vào việc vận chuyển hàng hóa qua cửa khẩu song thu nhập không cao do phương tiện vận chuyển thô sơ, lượng hàng hóa vận chuyển qua cửa khẩu Lao Bảo thấp. Hoạt động đem lại thu nhập cao hơn cho người Vân Kiều và người Pa Kô là việc trồng chuối và bán lại cho các đại lý người Kinh để xuất khẩu sang Trung Quốc. Một số hộ gia đình cũng sang Lào thuê đất để trồng chuối, tuy nhiên số lượng ít hơn nhiều so với người Kinh. Do hoạt động kinh tế của người Vân Kiều và Pa Kô vẫn chủ yếu là các hoạt động kinh tế trồng trọt truyền thống, ít được hưởng lợi từ kinh tế biên mậu nên đời sống của người dân vẫn còn gặp nhiều khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo cao.

### ***1.3. Sự tham gia vào hoạt động kinh tế biên mậu của các tộc người ở cửa khẩu Tịnh Biên, tỉnh An Giang***

Cửa khẩu Tịnh Biên được nâng cấp thành cửa khẩu quốc tế năm 2002, có diện tích 9.225ha bao gồm thị trấn Tịnh Biên, thị trấn Nhà Bàng và các xã An Nông, An Phú, Nhơn Hưng của huyện Tịnh Biên. Dân số trong khu vực cửa khẩu là tính đến năm

2010 theo niên giám thống kê của huyện Tịnh Biên là 11.113 hộ, 45.394 người, trong đó người Kinh chiếm tỷ lệ 93,26%, Khơ-me - 6,41% và Hoa - 0,32%. Các hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa và du lịch kết hợp mua sắm hàng miễn thuế tăng cao biến Tịnh Biên thành một khu vực kinh tế năng động, là điểm tập kết, trung chuyển hàng Việt Nam sang tiêu thụ ở thị trường Campuchia. Các mặt hàng xuất khẩu chính là hàng bách hóa tổng hợp, nhựa, điện gia dụng, bột mỳ, thực phẩm, nguyên vật liệu xây dựng, hàng nông sản như rau, củ, quả, thức ăn chăn nuôi gia súc... Các mặt hàng nhập khẩu gồm có hàng điện gia dụng, hàng bách hóa, gỗ, trái cây Thái Lan, gạo, phế liệu...

Kinh tế biên mậu ở khu vực cửa khẩu Tịnh Biên phát triển đã thu hút nhiều thương lái từ các tỉnh thuộc đồng bằng sông Cửu Long như An Giang, Đồng Tháp, Cần Thơ, Vĩnh Long, Tiền Giang và Thành phố Hồ Chí Minh mang hàng hóa lên trao đổi buôn bán theo cả đường bộ và đường sông. Cũng có thương lái sau khi thu gom hàng từ các tỉnh thì vận chuyển qua cửa khẩu đến thẳng Phnôm Pênh và giao hàng cho các chợ đầu mối ở đó. Trước sự phát triển của kinh tế biên mậu, nhiều người dân trong khu vực cửa khẩu Tịnh Biên đã tích cực tham gia vào việc trao đổi hàng hóa. Nếu như khoảng 10 năm về trước, thị trấn Tịnh Biên chỉ có một vài hộ buôn bán nhỏ lẻ các mặt hàng nông sản thì giờ đây, các doanh nghiệp tư nhân, các cửa hàng, cửa hiệu mọc lên san sát. Phần lớn các doanh nghiệp tư nhân, cơ sở này có chủ sở hữu là người Kinh. Người Hoa mặc dù có truyền thống buôn bán từ lâu đời nhưng do số lượng người Hoa ở địa bàn khá thấp nên tỷ lệ tham gia vào các hoạt động kinh tế biên mậu không cao như ở người Kinh. Không chỉ buôn bán ở các chợ trong

nội địa, theo thông kê của địa phương, có khoảng 200 người Việt Nam, chủ yếu là người Kinh, sang buôn bán ở các chợ biên giới ở Campuchia. Sóc Tà Ngáo, ấp Phú Tâm, xã An Phú, huyện Tịnh Biên là một sóc của người Khơ-me với 150 hộ sinh sống. Người Khơ-me ở đây có mối quan hệ thân tộc với người Khơ-me ở Campuchia và có nhiều nét văn hóa tương đồng, kể cả về mặt ngôn ngữ. Phần lớn người Khơ-me ở đây làm nông nghiệp, tuy nhiên, ruộng đất của họ chủ yếu chỉ trồng một vụ do không chủ động được nguồn nước tưới. Thu nhập thấp nhưng chi tiêu nhiều nên phần lớn hộ gia đình người Khơ-me trở thành hộ nghèo, phải cầm cố ruộng đất. Sinh kế chủ yếu của họ là đi làm thuê theo mùa vụ, nếu có tham gia vào các hoạt động trao đổi buôn bán thì thường chỉ ở quy mô nhỏ, mặc dù nơi họ sinh sống ngay sát cạnh chợ cửa khẩu Tịnh Biên và trên địa bàn sóc Tà Ngáo của họ có chợ bò Tà Ngáo. Mặc dù chợ được đặt ngay ở sóc của người Khơ-me nhưng phần lớn người mua bán bò là người Kinh. Chợ bò Tà Ngáo họp hàng ngày; bò được vận chuyển từ Campuchia sang chợ với số lượng ít là từ 50 đến 70 con, nhiều là từ 400 đến 500 con tùy theo số lượng bò từ Thái Lan, Myanmar đưa xuống. Toàn xã An Phú chỉ có khoảng 10 hộ gia đình Khơ-me tham gia vào việc kinh doanh ở chợ bò, chủ yếu là những gia đình có nhà gần chợ bò, có kinh tế khá giả hơn so với các gia đình Khơ-me khác.

Do diện tích đất đai thấp, bình quân đầu người trong khu vực chỉ đạt 0,45ha/hộ gia đình nên nhiều người dân, chủ yếu là người Kinh và một bộ phận nhỏ người Khơ-me sang Campuchia thuê đất trồng lúa. Sau thu hoạch, lúa được vận chuyển về lại Việt Nam. Ngoài thuê đất trồng lúa, nhiều người Kinh và Khơ-me còn sang Campuchia

thuê cây thốt nốt để thu hoạch nước và sản xuất đường thốt nốt để bán.

## **2. Tác động của kinh tế biên mậu tới các tộc người vùng biên giới**

Sự phát triển của kinh tế biên mậu góp phần làm thay đổi tư duy kinh tế, thúc đẩy sự chuyển đổi cơ cấu kinh tế, thúc đẩy sản xuất hàng hóa trong nước phát triển, nâng cao điều kiện sống và mức sống của một bộ phận không nhỏ dân cư, trong đó có nhiều tộc người thiểu số, tăng cường tình hữu nghị giữa nhân dân hai nước, từ đó, giữ vững an ninh quốc phòng. Tuy nhiên, các hoạt động kinh tế biên mậu cũng đem lại những nguy cơ, thách thức cho khu vực này, bao gồm sự phân hóa giàu nghèo dẫn đến những bất ổn về mặt xã hội như tệ nạn xã hội, buôn lậu và gian lận thương mại gia tăng, môi trường sống của người dân bị ảnh hưởng.

### **2.1. Những tác động tích cực của kinh tế biên mậu tới các tộc người vùng biên giới**

*- Đối với sự thay đổi về tư duy kinh tế*

Các hoạt động kinh tế biên mậu làm thay đổi tư duy kinh tế của các tộc người, từ tư duy kinh tế truyền thống là tự cấp tự túc sang tư duy kinh tế năng động, khao khát làm giàu cho bản thân và gia đình. Trên toàn tuyến biên giới, người Kinh cho thấy họ là tộc người có tư duy kinh tế rất năng động, giữ vai trò đầu tàu trong phát triển các hoạt động kinh tế biên mậu. Trong khi nhiều tộc người vùng biên giới mới dừng lại ở việc trao đổi hàng hóa phục vụ cho các nhu cầu của bản thân các gia đình thì người Kinh đã phát triển ở mức biến trao đổi hàng hóa trở thành nguồn thu nhập kinh tế. Như đã trình bày ở trên, người Kinh biết nắm bắt nhu cầu

thị trường và có sự chuyển đổi loại hình và mặt hàng kinh doanh một cách nhanh nhạy.

Đối với các tộc người thiểu số khác ở vùng biên giới, sự chuyển đổi tư duy kinh tế của họ có sự khác biệt tùy thuộc vào sự phát triển của kinh tế biên mậu từng vùng và nhận thức của tộc người. Đối với vùng biên giới Việt - Trung, các hoạt động kinh tế biên mậu phát triển mạnh mẽ nhất với quy mô và kim ngạch xuất nhập khẩu cao do thị trường Trung Quốc là một thị trường lớn với hơn 1,2 tỷ dân và có rất nhiều tiềm năng trong phát triển kinh tế thương mại biên mậu. Trung Quốc có những chương trình, chính sách phát triển kinh tế biên mậu hợp lý và linh hoạt, tạo điều kiện cho sự phát triển kinh tế và xuất nhập khẩu hàng hóa qua biên giới, tác động mạnh mẽ đến tư duy kinh tế của các tộc người ở khu vực biên giới. Sự năng động của người Hmông ở xã Bản Lầu, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai là một ví dụ cho sự chuyển đổi tư duy kinh tế của tộc người thiểu số do tác động của kinh tế biên mậu. Sự thành công của người Hmông ở xã Bản Lầu đã là mô hình cho nhiều người Kinh, Hmông, Dao, Giáy... ở trong khu vực đến học tập và áp dụng theo. Một ví dụ khác là trường hợp người Giáy từ Bát Xát đi bán hàng ở chợ Hà Khẩu (Trung Quốc). Từ người dân chuyên sản xuất nông nghiệp theo hình thức tự cấp, tự túc, họ mua hàng nông sản từ các chợ của Việt Nam và mang sang chợ bên kia biên giới để bán lại kiếm lời. Tuy lợi nhuận từ việc bán hàng chưa cao nhưng nó cũng cho thấy sự thay đổi tư duy kinh tế của một bộ phận người Giáy.

Đối với vùng biên giới Việt - Lào, các hoạt động kinh tế biên mậu dường như chưa đủ mạnh để thay đổi tư duy kinh tế của

người Vân Kiều và Pa Kô ở khu vực này. Dường như cách tư duy kinh tế truyền thống theo kiểu sản xuất nông nghiệp tự cung, tự cấp vẫn đang ăn sâu trong nhận thức của đồng bào. Tuy nhiên, dù có ít thay đổi, nhưng người Vân Kiều và Pa Kô đang bắt đầu tham gia vào một số hoạt động kinh tế thương mại (như bán một số mặt hàng địa phương gồm măng, rau rừng cho khách du lịch; vận chuyển thuê hàng hóa qua biên giới; bước đầu chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo hướng sản xuất hàng hóa).

Cũng tương tự như người Vân Kiều và người Pa Kô, người Khơ-me ở khu vực cửa khẩu Tịnh Biên, An Giang chưa cho thấy có sự thay đổi mạnh mẽ trong tư duy kinh tế. Một bộ phận rất nhỏ người Khơ-me mới chỉ bắt đầu tham gia vào hoạt động kinh tế biên mậu như mở dịch vụ, mua bò gầy vỗ béo rồi bán, thuê cây thốt nốt để thu hoạch nước sản xuất đường. Nguyên nhân của sự chuyển đổi tư duy kinh tế còn chậm của người Khơ-me là do hoạt động biên mậu ở khu vực này không phát triển mạnh mẽ như ở khu vực biên giới Việt - Trung do thị trường Campuchia có số dân và nhu cầu hạn chế, cơ sở hạ tầng kém phát triển, trình độ kinh tế hàng hóa còn kém hơn so với Việt Nam, một phần là do nhận thức tộc người.

*- Đối với sự chuyển đổi cơ cấu kinh tế*

Từ sự thay đổi tư duy kinh tế dẫn đến sự chuyển đổi cơ cấu kinh tế ở các tỉnh biên giới theo hướng giảm tỷ trọng sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là việc trồng trọt các cây lương thực, và tăng tỷ trọng công nghiệp, thương mại, dịch vụ. Theo niên giám thống kê của tỉnh Lào Cai năm 2010, tỷ trọng nông nghiệp trong cơ cấu các ngành kinh tế liên

tục giảm từ 26,02% vào năm 2005 xuống còn 20,56% vào năm 2010; trong khi đó tỷ trọng công nghiệp, xây dựng tăng mạnh từ 42,10% năm 2005 lên mức 54,09% năm 2010. Tương tự như vậy, tỷ trọng nông nghiệp của tỉnh Quảng Trị cũng giảm từ 35,9% năm 2005 xuống còn 28,4% năm 2010, tỷ trọng công nghiệp và xây dựng tăng từ 25,6% năm 2005 lên mức 35,8% vào năm 2010; tỷ trọng nông nghiệp của An Giang giảm nhẹ, từ 36,68% năm 2005 xuống còn 34,51% năm 2010 và tăng nhẹ tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ.

Nhờ hoạt động trao đổi buôn bán qua biên giới, việc giao lưu hàng hóa giữa các vùng, miền được mở rộng và phát triển, không chỉ góp phần làm thay đổi cơ cấu kinh tế của các tỉnh biên giới mà còn chuyển biến cơ cấu kinh tế của quốc gia theo hướng sản xuất hàng hóa, thúc đẩy quá trình phân công lại lao động xã hội, nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam, khôi phục và tạo thêm nhiều ngành nghề mới, góp phần giải quyết công ăn việc làm cho một số lượng lớn lao động (Hoàng Thanh Vân, 2003).

*- Đối với việc nâng cao đời sống cho các tộc người vùng biên giới*

Kinh tế biên mậu phát triển đã góp phần xóa đói giảm nghèo, tăng thu nhập cho một bộ phận không nhỏ người dân ở các tỉnh biên giới. Tìm hiểu thu nhập của người dân thôn Cốc Phương, xã Bản Lầu, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai cho thấy sự tăng cao trong thu nhập người dân do sự phát triển của kinh tế biên mậu đem lại. Toàn thôn có 42 hộ gia đình, trong đó có 4 hộ người Kinh, còn lại là người Hmông.

Bình quân thu nhập của một hộ gia đình trong thôn năm 2010 là khoảng 285 triệu đồng; trong đó, nhà có thu nhập thấp nhất là khoảng 50 triệu đồng, hộ có thu nhập cao nhất là từ 800 triệu đến 1 tỷ đồng (cả thôn có khoảng 30% số hộ có thu nhập như vậy). Thu nhập cao, người dân thôn Cốc Phương đã có điều kiện mua sắm tài sản (như ti vi, tủ lạnh, xe gắn máy, thậm chí cả ô tô) phục vụ cuộc sống của gia đình; nhiều hộ gia đình thuê hoặc mua thêm đất đai ở các thôn bên cạnh để đầu tư sản xuất, hoặc mua nhà, mua đất ở thành phố Lào Cai.

Cùng với thu nhập tăng cao, điều kiện sống của người dân vùng biên giới cũng được nâng lên. Người dân được hưởng lợi nhiều từ các đầu tư cơ sở hạ tầng như điện, đường, trường, trạm. Đường giao thông đi đến các xã, thậm chí các thôn bản được mở rộng và nâng cấp, thuận tiện cho việc đi lại và vận chuyển hàng hóa. Hầu hết các gia đình có điện thắp sáng phục vụ nhu cầu sinh hoạt và tiêu dùng văn hóa của các gia đình. Trường học, trạm y tế được nâng cấp, xây dựng khang trang, sạch đẹp.

*- Đối với việc tăng cường tình hữu nghị giữa nhân dân hai nước và đảm bảo an ninh quốc phòng*

Phần lớn các tộc người ở vùng biên giới Việt Nam với các nước láng giềng có mối quan hệ đồng tộc và một số cá nhân có quan hệ thân tộc với nhau. Sự mở cửa, giao lưu kinh tế buôn bán qua biên giới khiến cho mối quan hệ này ngày càng trở nên mật thiết, gắn bó. Việc đi lại thăm thân kết hợp với trao đổi hàng hóa giúp cho người dân hai nước được hiểu biết thêm, học hỏi kinh nghiệm phát triển của nhau, mở rộng tầm

nhìn và làm giàu thêm vốn tri thức. Anh Thào Đình, trưởng thôn Cốc Phương, xã Bản Lầu, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai chia sẻ: bên kia biên giới cũng là người Hmông nhưng họ có đời sống khá hơn, nhà cửa to hơn bên mình. Nhờ có họ, người Hmông học được các kỹ thuật cùng các giống cây trồng mới nên đời sống khá lên nhiều. Quan hệ giữa hai bản với nhau rất tốt; mỗi khi bên nào có việc như đám ma, đám cưới thì đều mời nhau đến dự.

Bà con người Vân Kiều ở bản Ka Tăng, thị trấn Lao Bảo, huyện Hướng Hóa, Quảng Trị cũng cho biết mối quan hệ giữa người dân hai bên biên giới rất hữu hảo. Ở bên kia biên giới, một số hộ gia đình cũng có anh em, họ hàng do một số người Vân Kiều trước năm 1979 di cư sang Lào, một số đi bộ đội Pa Thét Lào rồi ở lại luôn. Hiện tại, bản Ka Tăng và thị trấn Đen-sa-văn (Lào) có quan hệ kết nghĩa với nhau, có quy ước liên quan đến việc chống xâm canh, xâm cư. Ở thị trấn Lao Bảo cũng có một bản của người Pa Kô - bản Ka Túc. Trước kia, bản này ở xã Thuận, sau khi xác định biên giới với Lào năm 1976, một số người Pa Kô trong bản đã chuyển sang bên Lào sinh sống và lập nên bản Ka Túc ở Lào. Nhiều người Pa Kô ở hai bản này có mối quan hệ thân tộc và hiện nay hai bản cũng đã kết nghĩa với nhau. Việc mở cửa biên giới khiến cho việc đi lại thăm người thân và trao đổi hàng hóa giữa hai bên trở nên thuận tiện hơn trước đây.

Mối quan hệ giữa người dân huyện Tịnh Biên, An Giang và người dân huyện Ki-ri-vông, tỉnh Tà Keo, Campuchia cũng rất tốt. Huyện Tịnh Biên vẫn hỗ trợ giống, nông cụ cho phía Campuchia. Nhiều người

Kinh và Khơ-me sang Campuchia thuê đất để trồng lúa. Văn hóa của người Khơ-me ở An Giang và người dân Campuchia có sự tương đồng với nhau, đặc biệt về mặt ngôn ngữ. Nhiều người có quan hệ thân tộc với người bên kia biên giới.

Việc mở cửa biên giới và phát triển giao lưu hàng hóa qua biên giới đã đáp ứng nhu cầu về hàng hóa và quan hệ xã hội của người dân vùng biên giới và được người dân ở đây đồng tình ủng hộ. Đời sống của người dân ngày càng được cải thiện và nâng cao; do đó, họ càng ngày càng quan tâm nhiều đến việc làm ăn nâng cao đời sống và góp phần xây dựng quê hương, gìn giữ an ninh biên giới. Thực tế cho thấy, những vùng biên giới giao lưu kinh tế phát triển thì vấn đề xâm phạm chủ quyền và an ninh biên giới ít xảy ra (Hoàng Thanh Vân, 2003).

## ***2.2. Những nguy cơ, thách thức đối với các tộc người vùng biên giới dưới tác động của kinh tế biên mậu***

*- Sự phân hóa giàu nghèo và những bất ổn về xã hội*

Kinh tế biên mậu phát triển đã góp phần nâng cao thu nhập cho một bộ phận dân cư. Tuy nhiên, nó cũng làm cho sự phân hóa giàu nghèo tăng lên, đặc biệt là ở vùng dân tộc thiểu số. Ở tỉnh Lào Cai, sự chênh lệch giữa 20% nhóm cư dân có thu nhập cao nhất và 20% nhóm cư dân có thu nhập thấp nhất là 7,6% năm 2006, và 7,9% năm 2008. Đến năm 2010, sự chênh lệch này đã lên đến 10,8%, tức là nhóm có thu nhập cao nhất cao gấp hơn 10 lần nhóm có thu nhập thấp nhất. Bản Nậm Sò, xã Bản Phiệt, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai cách không xa thôn Cốc Phương, xã Bản Lầu, huyện Mường Khương, tức là có chung điều kiện tự nhiên

và đường biên giới với Trung Quốc. Tuy vậy, trong khi người dân thôn Cốc Phương có thu nhập rất cao do kinh tế biên mậu đem lại thì người dân bản Nậm Sò lại có thu nhập thấp hơn nhiều. Số hộ nghèo trong bản Nậm Sò là 30 hộ, chiếm 41,6% tổng số hộ. Gần đây, bản cũng đang bắt đầu quá trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo hướng học tập người dân thôn Cốc Phương, xã Bản Lầu. Theo đó, diện tích cây lương thực đang thu hẹp dần để nhường chỗ cho cây dứa và cây chuối. Tuy nhiên, người dân bản Nậm Sò đang đứng trước những thách thức về an ninh lương thực nghiêm trọng. Thị trường Trung Quốc là một thị trường lớn nhưng có những cơ chế về kinh tế biên mậu rất linh hoạt, nhu cầu về các loại hàng hóa cũng có sự biến đổi nhanh chóng. Trong trường hợp phía Trung Quốc ngừng thu mua các loại chuối, dứa thì người dân các bản này sẽ gặp rất nhiều khó khăn. Tình trạng này đã từng xảy ra với quả dứa hầu vào đầu những năm 2000. Trong trường hợp này, những người dân xã Bản Lầu, do đã tích lũy được vốn, có thể dễ dàng chuyển đổi sang trồng các loại cây hàng hóa khác và thực tế họ đã chuyển đổi một phần đất đai sang trồng cây cao su. Trong khi đó, người dân bản Nậm Sò sẽ rơi vào tình trạng đói lương thực do phần lớn diện tích trồng lương thực đã được chuyển sang trồng chuối và dứa. Bên cạnh an ninh lương thực, các tệ nạn xã hội cũng diễn ra nhiều hơn ở những thôn bản nghèo.

Tỉnh Quảng Trị cũng cho thấy có sự chênh lệch thu nhập giữa nhóm 20% thu nhập thấp nhất và nhóm 20% thu nhập cao nhất từ 5 đến 6 lần và tăng đều qua các năm. Nhóm có thu nhập thấp nhất thường rơi vào người dân tộc thiểu số và ít được tham gia vào các hoạt động kinh tế biên mậu. Các vấn đề xã hội cũng nảy sinh như bạo lực gia

đình, buôn lậu và gian lận thương mại, các tệ nạn xã hội (như mại dâm, ma túy...). Phụ nữ người Vân Kiều thường sinh đẻ nhiều, trung bình từ 7 đến 8 con, nhiều là từ 12 đến 13 con. Do nghèo nên nhiều người đàn ông Vân Kiều đã lấy thêm vợ hai, vợ ba để có thêm người làm; thậm chí có người lấy đến 7 vợ. Cái nghèo dường như vẫn đeo đẳng tộc người này bất chấp sự phát triển mạnh mẽ của cuộc sống đô thị do kinh tế biên mậu mang lại ngay sát cạnh nhà của họ.

Chênh lệch giàu nghèo ở tỉnh An Giang cũng ở mức cao, từ 6 đến 7 lần giữa nhóm 20% thu nhập thấp nhất và nhóm 20% thu nhập cao nhất. Nhóm có thu nhập thấp nhất chủ yếu rơi vào tộc người Khơ-me. Các nguyên nhân nghèo chủ yếu do đông con, trình độ dân trí thấp, tiếp cận khoa học kỹ thuật hạn chế, ruộng canh tác một vụ, chi tiêu bất hợp lý dẫn đến việc phải cầm cố ruộng đất.

*- Những nguy cơ đối với môi trường sinh thái tộc người*

Kinh tế biên mậu phát triển đem lại nhiều lợi ích cho sản xuất và đời sống của các tộc người biên giới; tuy nhiên, nó cũng dẫn đến nhiều nguy cơ đối với môi trường sinh thái, đặc biệt là ở khu vực biên giới Việt - Trung. Việc khai thác các mỏ nguyên liệu một cách ồ ạt dẫn đến việc suy thoái tài nguyên đất và tài nguyên rừng. Việc nhập khẩu các loại rau, củ, quả từ Trung Quốc chưa được kiểm dịch một cách nghiêm ngặt khiến cho các loại hàng hóa chứa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật lớn của Trung Quốc được tiêu thụ ồ ạt, ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe của người tiêu dùng. Đáng kể nhất là việc nhập khẩu và sử dụng các hóa chất và

các vật phẩm phục vụ cho việc canh tác nông nghiệp gây tác hại không thể lường trước cho môi trường sinh thái của các tộc người. Ở khu vực xã Bản Lầu, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai, nhiều diện tích rừng đã biến mất nhường chỗ cho các nương chuối và dứa bạt ngàn. Với diện tích đất lớn, người dân không thể áp dụng được các cách thức canh tác truyền thống “đào canh, hòa chủng” được nữa; thay vào đó là việc sử dụng các hóa chất để thuận tiện trong canh tác và giảm bớt sức lao động. Các loại hóa chất diệt cỏ, phân hóa học, thuốc kích thích được sử dụng tràn lan. Người dân không biết thực sự đó là những hóa chất gì, có tác hại cho môi trường và sức khỏe của mình hay không mà chỉ sử dụng theo kinh nghiệm truyền miệng. Bao bì phân bón, thuốc trừ cỏ, trừ sâu, thuốc kích thích, túi nilon buộc chuối sau khi sử dụng được vứt lại trên nương, và chúng sẽ được đốt bỏ khi người dân bắt đầu vụ trồng trọt mới. Việc này gây nên những hệ lụy cho sức khỏe người dân; gây ô nhiễm đất, nguồn nước, không khí ở mức độ không kiểm soát được.

### **3. Một vài nhận xét và khuyến nghị**

#### **3.1. Một vài nhận xét**

Chủ trương mở cửa biên giới, giao lưu hàng hóa quốc tế ở các tỉnh biên giới của Đảng và Nhà nước Việt Nam từ sau Đổi mới, nhất là từ sau năm 1991, đã tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế ở các tỉnh biên giới. Trong hoạt động kinh tế biên mậu ở các tỉnh biên giới Việt Nam nổi lên vai trò chủ đạo của người Kinh. Người Kinh rất năng động, tích cực tham gia vào hầu hết các loại hình thương mại và dịch vụ biên mậu, từ xuất nhập khẩu chính ngạch, tiểu ngạch, trao đổi hàng hóa ở các chợ biên giới

đến các dịch vụ phục vụ cho kinh tế biên mậu như vận chuyển hàng hóa, làm thủ tục xuất nhập cảnh, đại lý thu gom hàng, đổi tiền, thông tin liên lạc. Các tộc người thiểu số khác cũng có điều kiện tham gia vào các hoạt động kinh tế biên mậu khác nhau tùy thuộc vào sự sôi động của thị trường biên mậu và nhận thức tộc người.

Kinh tế biên mậu phát triển đã có những tác động tích cực, làm thay đổi tư duy kinh tế của nhiều tộc người. Một số tộc người (như nhiều tộc người ở Lào Cai, hay người Vân Kiều, Pa Kô ở thị trấn Lao Bảo) đã dần chuyển đổi từ hoạt động kinh tế tự cấp tự túc sang các hoạt động sản xuất hàng hóa xuất khẩu. Một số khác (như người Hmông ở xã Bản Lầu, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai) đã đạt được những thành công nhất định trên con đường chuyển đổi ấy. Một số tộc người khác (như người Dao, Giáy, Vân Kiều, Pa Kô) đang trên đường chuyển đổi và bước đầu cũng đã nâng cao được đời sống kinh tế hộ gia đình. Sự thay đổi tư duy kinh tế đã dẫn đến sự chuyển đổi về cơ cấu kinh tế ở các tỉnh biên giới theo hướng giảm tỷ trọng nông nghiệp, tăng tỷ trọng công nghiệp và xây dựng, giữ tỷ trọng về thương mại dịch vụ ở mức cao. Sự phát triển của kinh tế biên mậu kéo theo sự cải thiện về cơ sở hạ tầng và mức sống của người dân trong vùng. Thu nhập bình quân đầu người tại các tỉnh biên giới không ngừng tăng sau các năm; nhiều người dân đã có điều kiện mua sắm các tài sản tiêu dùng có giá trị cho hộ gia đình. Sự phát triển của kinh tế biên mậu cũng tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau, sự giao lưu hàng hóa, gắn kết quan hệ đồng tộc, thân tộc giữa người dân hai bên biên giới. Quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc vùng biên giới được

thắt chặt cũng góp phần ổn định trật tự xã hội và giữ gìn an ninh vùng biên giới.

Ngoài những lợi ích do kinh tế biên mậu đem lại, vẫn còn có những thách thức, nguy cơ mà các tộc người phải đối mặt. Đó là sự phân hóa giàu nghèo một cách rõ nét và những hệ lụy về bất ổn xã hội do kinh tế biên mậu đem lại và sự xuống cấp về môi trường sinh thái tộc người. Các dân tộc có thu nhập thấp có nguy cơ phải đối diện với an ninh lương thực cao hơn so với nhóm dân tộc có thu nhập cao khi chính sách thị trường có sự thay đổi.

### 3.2. Một số khuyến nghị

- Sự trao quyền cho chính quyền địa phương trong việc điều hành kinh tế biên mậu tạo nên những chính sách biên mậu linh hoạt, phù hợp giúp các địa phương biên giới kiểm soát, quản lý tốt hơn các hoạt động trao đổi buôn bán ở vùng biên giới cũng như đảm bảo an ninh quốc phòng.

- Cần có những cơ chế điều tiết, quy hoạch sản xuất hàng hóa phù hợp, tránh tình trạng người dân chuyển đổi cơ cấu kinh tế tự phát một cách ồ ạt dẫn đến những hậu quả xã hội khi chính sách biên mậu có sự thay đổi. Chính quyền cần giúp đỡ người dân tạo nên các sản phẩm có thương hiệu và đảm bảo đầu ra ổn định cho sản phẩm.

- Cần có cơ chế khuyến khích, giúp đỡ người dân địa phương, đặc biệt là người dân tộc thiểu số, tham gia vào các hoạt động biên mậu thông qua các hình thức nâng cao nhận thức về phát triển kinh tế, giúp đỡ về vốn, cách thức phát triển kinh tế cho người dân tộc thiểu số, đặc biệt là nhóm người nghèo, dưới dạng cầm tay chỉ việc. Tận dụng những ưu thế về văn hóa của các dân tộc thiểu số để phát triển du lịch kết hợp với mua sắm tại các khu vực biên giới. Tuy nhiên, cần để ý đến những tác

động tiêu cực của du lịch đến đặc trưng văn hóa của các tộc người để có quy hoạch phát triển du lịch cho phù hợp.

- Nâng cao nhận thức, hướng dẫn người dân cách thức sử dụng các hóa chất phục vụ cho sản xuất nông nghiệp đúng cách và đúng liều lượng để đảm bảo sức khỏe cho người sản xuất và người tiêu dùng. Quản lý chặt chẽ các loại hóa chất bị cấm sử dụng, không để sử dụng tràn lan gây những hậu quả không lường hết được cho môi trường sinh thái tộc người.

### Tài liệu tham khảo

1. Báo cáo hàng năm của Ban quản lý khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Lào Cai, Quảng Trị và An Giang.

2. Trần Thu Hà (2009), *Hoạt động biên mậu các tỉnh biên giới vùng Đông Bắc*, Luận văn thạc sỹ kinh tế.

3. Niên giám thống kê năm 2010 của tỉnh Lào Cai, Quảng Trị và An Giang.

4. Niên giám thống kê năm 2010 của huyện Hướng Hóa và huyện Tịnh Biên.

5. Đặng Thanh Phương (2009), *Một số vấn đề bức xúc của đồng bào dân tộc Tày, Nùng, Giáy trong quá trình phát triển kinh tế vùng biên ở Lạng Sơn và Lào Cai*, Báo cáo tổng hợp đề tài khoa học cấp Bộ năm 2008 - 2009.

6. Nguyễn Anh Tuấn (2011), *Quan hệ thương mại Lào Cai - Vân Nam (Trung Quốc) những năm đầu thế kỷ 21*, Luận văn thạc sỹ địa lý.

7. Hoàng Thanh Vân (2003), *Thực trạng quan hệ mậu dịch biên giới giữa Việt Nam và các nước giáp ranh*, Khóa luận tốt nghiệp đại học.